

**BẢN SAO
COPY**

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

Hà Nội, tháng 06 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 09
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	10 - 12
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	13
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	15 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Trần Ngọc Hà	Chủ tịch
Ông Lâm Chí Quang	Ủy viên
Ông Trịnh Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Khôi	Ủy viên
Ông Ngô Văn Tuyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lâm Chí Quang	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khay	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Tuyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quang Tâm	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

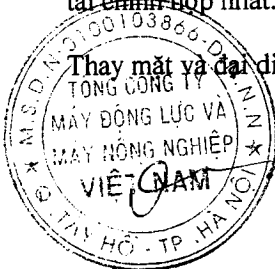
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

Lâm Chí Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 18/06/2014, từ trang 10 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty được hợp nhất từ các báo cáo tài chính riêng/hợp nhất đã được kiểm toán của các công ty con, vì vậy báo cáo tài chính hợp nhất chịu ảnh hưởng bởi các hạn chế kiểm toán được nêu trong các báo cáo tài chính riêng/hợp nhất của các công ty con này.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Công việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại thuyết minh số 4.2 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và công ty mẹ Tổng Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty chưa được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con.

Trong năm 2011, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (công ty con) hạch toán giảm nguồn vốn kinh doanh vì chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Visuco số tiền 33.030.056.456 VND trong khi Tổng Công ty không hạch toán giảm khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam nên chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty con” của bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo đang phản ánh số tiền này.

2. Như trình bày tại thuyết minh số 4.10 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng Công ty đã được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (là công ty liên kết của Tổng Công ty). Báo cáo tài chính của công ty này chưa được kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng Công ty chưa điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của các công ty liên kết, liên doanh mà các công ty con của Tổng Công ty đầu tư vốn vào với giá gốc của các khoản đầu tư trị giá 35.484.997.227 VND đang được trình bày tại chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” của bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo.

3. Như trình bày tại thuyết minh số 1 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính năm 2013 của 13 công ty con được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác và báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Veam Korea Corporation chưa được kiểm toán, với tổng tài sản: 3.860.979.525.204 VND; nợ phải trả: 2.395.043.715.270 VND; doanh thu thuần: 5.066.115.435.208 VND; giá vốn 4.665.735.540.191 VND; lợi nhuận sau thuế: 8.140.552.057 VND. Chúng tôi không được soát xét các hồ sơ kiểm toán của các công ty này và bằng các thủ tục kiểm toán cần thiết, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của các Công ty này cũng như ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng Công ty.

Trên báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính năm 2013 của các công ty con có hạn chế phạm vi kiểm toán như sau:

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 32314/BCKT-ACC_VIETNAM ngày 25/03/2014 về báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa chỉ ra:

Tại thời điểm 31/12/2013 còn một số khoản công nợ phải thu, phải trả Công ty chưa thực hiện đối chiếu xác nhận số dư cuối kỳ. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể đưa ra căn cứ khẳng định tính hiện hữu của các khoản công nợ trên. Đồng thời Công ty chưa tiến hành phân loại tuổi nợ của các khoản công nợ phải thu làm căn cứ trích lập dự phòng theo quy định;

Theo thông báo của Chi cục Thuế huyện Đông Anh và các chứng từ nộp tiền thuê đất, đến thời điểm ngày 31/12/2013 Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa còn nợ tiền thuê đất là 1.413.983.880 VND. Tuy nhiên, trên báo cáo tài chính của Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ khoản tiền thuê đất phải nộp trên;

Công ty đang làm các thủ tục xin miễn khoản chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam phát sinh trong năm 2013 và đang làm các thủ tục xin miễn khoản phải trả Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo phát sinh trong năm 2013 từ Hợp đồng hợp tác liên danh số 33/HĐLD-THĐ/2008 ngày 12/03/2008 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo do tình hình kinh doanh gặp khó khăn. Do đó, Công ty chưa hạch toán các khoản chi phí lãi vay này vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ với số tiền là 794.977.000 VND;

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 31414/BCKT-ACC_VIETNAM ngày 20/03/2014 về báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị toàn bộ chỉ ra:

Báo cáo tài chính của Công ty được tổng hợp số liệu Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán trực thuộc (như đã trình bày tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc). Tuy nhiên, chúng tôi chỉ thực hiện kiểm toán số liệu đối với Văn phòng Công ty. Số liệu tại các Chi nhánh và Xí nghiệp trực thuộc Công ty, Chúng tôi căn cứ vào báo cáo tài chính của các đơn vị do Công ty cung cấp. Đồng thời báo cáo tài chính được kiểm toán này là báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ;

Tại thời điểm 31/12/2013, Chúng tôi không tham gia chứng kiến kê tiền mặt, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và 36% giá trị số dư cuối kỳ khoản mục hàng tồn kho (tương đương giá trị là 9.684.009.271 VND) của Văn phòng Công ty. Theo đó, số liệu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, chi phí xây dựng cơ bản dở dang được căn cứ theo số dư trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Văn phòng Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ;

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã đối chiếu, xác nhận các khoản công nợ phải thu khách hàng, khách hàng trả tiền trước, phải trả nhà cung cấp, trả trước cho nhà cung cấp với tỷ lệ tương ứng đạt 82%, 39%, 0% và 0%. Công ty chưa tiến hành theo dõi tuổi nợ làm căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 3914/BCKT-(ACC-Vietnam) ngày 10/03/2014 về báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chỉ ra:

Chúng tôi thực hiện cuộc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù riêng áp dụng riêng cho quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Số dư đầu kỳ được lấy từ báo cáo tài chính được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn định giá ACC_Việt Nam phát hành ngày 30/03/2013 với ý kiến chấp nhận từng phần.

Từ năm 2011 đến nay Công ty đang tạm hạch toán tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu. Hiện tại, Công ty đang tiến hành hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý cần thiết cho công tác hạch toán tăng vốn này.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của sản phẩm dở dang cuối kỳ được tính theo định mức của Công ty. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ cơ sở cho việc xác định giá trị sản phẩm dở dang.

Tại ngày khóa sổ kế toán 31/12/2013, Công ty đang theo dõi một số hàng tồn kho kém phẩm chất, tồn đọng qua nhiều năm chưa được xử lý và đánh giá lại theo giá trị thị trường.

Trong năm 2012 và 2013 Công ty chưa hạch toán lãi vay phải trả cho Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam. Hiện Công ty đang làm thủ tục trình Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam về việc xin miễn giảm lãi vay của tất cả các khoản vay.

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 150-14/BC-TC/III-VAE ngày 28/03/2014 về báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo chỉ ra:

Khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ các năm trước đến thời điểm 31/12/2012 chưa được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2012 phát hành ngày 29/03/2013 đã đưa ý kiến về khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa được trích lập. Số dư phòng ước tính phải trích lập lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 với giá trị là 21.380.678.551 VND. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2012 chưa được Công ty trích lập mà được trích lập toàn bộ vào thời điểm 31/12/2013 với giá trị là 25.187.477.627 VND. Việc trích lập dự phòng nêu trên đã làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu có liên quan trình bày trên báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Như đã trình bày tại Mục 02 phần IV của bản thuyết minh báo cáo tài chính. Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hàng tồn kho tồn đọng lỗi thời, kém phẩm chất từ các năm trước) với giá trị là 3.768.393.974 VND được xác định trên cơ sở ước tính trọng lượng hàng tồn kho quy đổi theo kg nhân với đơn giá bán ước tính là 7.000 đồng/kg. Việc trích lập nêu trên là chưa phù hợp với quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu nhập được đầy đủ các biên bản đối chiếu số dư công nợ phải thu, phải trả tới từng đối tượng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về dư các khoản công nợ phải thu, phải trả tới từng đối tượng được trình bày trên báo cáo tài chính 2013 của Công ty.

Kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với khoản góp vốn liên doanh 720.000.000 VND với Công ty TNHH Thương mại quốc tế Thùy Linh để hình thành dự án nhà nghỉ tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Trong phạm vi kiểm toán năm 2013, chúng tôi cũng không thu thập thêm được các bằng chứng để làm cơ sở trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013.

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 29/03/2013 với ý kiến chấp nhận từng phần do chưa được cung cấp bằng chi tiết tổng hợp nhập xuất tồn hàng tồn kho, bảng tính giá thành năm 2012, chưa xây dựng phương pháp tính giá thành cho hoạt động sản xuất cơ khí và việc xác định giá trị dở dang cuối kỳ của Công ty chưa phù hợp. Trong năm 2013, chúng tôi cũng không thu thập thêm được các bằng chứng về các khoản mục nêu trên. Do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của khoản mục nêu trên tại ngày 31/12/2012 tới báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31/12/2013, báo cáo của chúng tôi về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 cũng không đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần do các ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31/12/2012.

Như đã thuyết minh tại điểm 9 - Phần 5 của bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang làm các thủ tục xác định lại tiền thuê đất phải nộp với cơ quan thuế, nên chưa phản ánh tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế. Điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ cũng như chi tiêu thuế và các khoản phải trả Nhà nước trình bày trên báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 35/2014/AEA-TC/-NV4 ngày 05/03/2014 về báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH Nhà nước MTV Diesel Sông Công chỉ ra:

Tại thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng hết các khoản thu đã quá hạn thanh toán và chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính. Với những tài liệu mà Công ty cung cấp chúng tôi không ước tính được đầy đủ số dự phòng phải trích lập nên không đánh giá được ảnh hưởng của các khoản mục này đến báo cáo tài chính năm 2012 và năm 2013.

Như đã trình bày tại mục V.13 bản thuyết minh báo cáo tài chính, toàn bộ tài sản và công nợ liên quan đến dự án ODA trong giai đoạn 1990 – 1992, Công ty thực hiện xin ý kiến xử lý của các cấp có thẩm quyền. Theo đó, toàn bộ các tài sản và công nợ liên quan đến dự án này đang được thể hiện theo giá gốc tại thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013.

Theo Quyết định số 60/QĐ-VEAM.HĐTV ngày 07/09/2012 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt nam, thì toàn bộ vốn góp của Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công vào Công ty TNHH Ford Việt Nam sẽ được chuyển giao về Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam. Trong năm 2012, đơn vị đã hạch toán giảm khoản đầu tư này và giảm vốn tương ứng với giá trị 198 tỷ VND, tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2013, Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển tên trên Giấy phép đầu tư của Công ty TNHH Ford Việt Nam. Theo ý kiến của chúng tôi, khoản đầu tư này vẫn thuộc sở hữu của Công ty và Công ty cần bàn giao dứt điểm khoản đầu tư này cho Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 140214/BCKT-AISHN ngày 18/03/2014 về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Viện Công nghệ chỉ ra:

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho của Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh (công ty con của Viện) tại ngày 31/12/2013 do chúng tôi được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên của Công ty sau thời điểm trên. Các thủ tục thay thế cũng chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục Hàng tồn kho (có số dư tại 31/12/2013 là 6.372.000.652 VND) cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh chưa ghi nhận vào chi phí trong kỳ khoản tiền thuê cơ sở hạ tầng và phí quản lý khu công nghiệp với giá trị 990.244.757 VND.

Tại thời điểm 31/12/2013, Viện Công nghệ chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC; Kiểm toán viên ước tính dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập cho năm 2013 là 1.303.259.268 VND.

- Báo cáo kiểm toán số 04/03/2014/BCKT/HDT/HN ngày 03/03/2014 về báo cáo tài chính năm 2013 của Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy nông nghiệp chỉ ra:

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2013 nên chúng tôi không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Viện vào ngày 31/12/2013. Với những tài liệu hiện có ở đơn vị, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đúng đắn của số lượng tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm trên. Do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục này tại thời điểm 31/12/2013 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục có liên quan khác trên báo cáo tài chính của Viện.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả. Do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này tại thời điểm 31/12/2013 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục có liên quan khác trên báo cáo tài chính của Viện.

Trong năm tài chính 2013 đơn vị đã thực hiện ghi nhận tăng một số tài sản cố định hình thành qua đầu tư theo quyết định số 7260/QĐ/QĐ- BCT ngày 04/10/2013 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Bộ Công Thương, theo quyết định đơn vị tiếp nhận tài sản cố định với nguyên giá 15.729.395.676 VND và tài sản lưu động với giá trị 109.561.324 VND. Tài sản này được xây dựng từ ngày 01/01/2008 nhưng đơn vị không thực hiện theo dõi hạch toán vào sổ sách. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của khoản mục này cũng như các khoản mục liên quan trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 77/2014/BCKT-ACA MT ngày 30/03/2014 về báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh chỉ ra:

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và các công trình xây dựng cơ bản dở dang vào ngày 31/12/2013, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên của Công ty. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác thay thế chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này;

Tại ngày 31/12/2013, các khoản công nợ phải thu, phải trả và công nợ vay của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác thay thế chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục này;

Công ty đang theo dõi và tính giá vốn theo phương pháp bình quân gia quyền chung cho toàn bộ phụ tùng cơ khí gia công. Việc xác định giá vốn theo cách thức này có thể có sự sai lệch so với xác định giá vốn cho từng loại hoặc chủng loại phụ tùng tương đương về giá thành đơn vị;

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và thuộc diện khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng nợ phải thu khó đòi Công ty cần trích là 3.299.922.920 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0487-2013-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2014

Đào Thị Thúy Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1785-2013-055-1

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		4.239.341.722.353	4.137.147.218.190
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.	1.119.503.250.915	968.033.823.636
1. Tiền	111		391.483.250.915	315.580.653.662
2. Các khoản tương đương tiền	112		728.020.000.000	652.453.169.974
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.	16.644.728.944	26.831.713.784
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16.644.728.944	26.831.713.784
III- Các khoản phải thu	130		1.438.539.710.688	1.251.808.985.433
1. Phải thu của khách hàng	131		1.386.546.507.760	1.016.623.042.503
2. Trả trước cho người bán	132		98.830.343.818	107.280.701.375
5. Các khoản phải thu khác	135	7.	112.519.163.548	178.875.807.474
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	8.	(159.356.304.438)	(50.970.565.919)
IV- Hàng tồn kho	140	10.	1.550.722.213.370	1.798.735.966.039
1. Hàng tồn kho	141		1.668.521.453.274	1.800.473.722.110
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(117.799.239.904)	(1.737.756.071)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		113.931.818.436	91.736.729.298
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.614.562.241	9.133.767.900
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.073.792.482	57.950.575.572
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9.	31.056.650.655	3.574.121.151
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11.	20.186.813.058	21.078.264.675
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		8.805.227.035.579	6.474.524.043.999
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		97.565.626.981	285.632.606
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		246.272.606	246.272.606
4. Phải thu dài hạn khác	218	12.	97.319.354.375	39.360.000
II- Tài sản cố định	220		2.304.585.613.897	2.306.255.441.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13.	1.586.417.236.272	1.603.932.217.044
- Nguyên giá	222		2.771.796.212.898	2.601.235.713.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.185.378.976.626)	(997.303.496.532)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14.	50.779.885.593	56.909.489.201
- Nguyên giá	228		69.007.938.142	71.724.818.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.228.052.549)	(14.815.329.682)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15.	667.388.492.032	645.413.735.297
III- Bất động sản đầu tư	240	16.	37.314.021.854	37.983.731.054
- Nguyên giá	241		44.526.541.340	44.526.541.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(7.212.519.486)	(6.542.810.286)
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.221.295.027.704	4.013.859.662.854
1. Đầu tư vào công ty con	251		33.030.056.659	33.030.056.659
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.158.173.098.371	3.863.228.497.521
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17.	30.241.694.976	117.750.930.976
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(149.822.302)	(149.822.302)
V- Tài sản dài hạn khác	260		144.466.745.143	116.139.575.943
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18.	141.479.054.731	113.545.611.627
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		99.220.065	609.157
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.888.470.347	2.593.355.159
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.044.568.757.932	10.611.671.262.189

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.661.778.405.534	1.533.978.660.331
I- Nợ ngắn hạn	310		1.367.194.227.776	1.224.161.173.460
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19.	693.761.314.149	536.040.310.387
2. Phải trả cho người bán	312		331.879.758.518	306.104.476.519
3. Người mua trả tiền trước	313		55.828.399.709	65.799.478.223
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20.	30.675.516.343	26.963.720.582
5. Phải trả người lao động	315		120.367.528.891	126.102.309.401
6. Chi phí phải trả	316	21.	25.117.561.012	63.249.671.361
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	22.	93.219.869.639	87.346.128.611
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		312.975.004	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		16.031.304.511	12.555.078.376
II- Nợ dài hạn	330		294.584.177.758	309.817.486.871
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.343.000.000	570.360.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	23.	290.555.229.427	306.347.564.319
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	84.505.131
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.685.948.331	2.815.057.421
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.138.517.752.467	8.827.166.969.157
(400 = 410 + 430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	24.	11.050.042.467.368	8.749.649.584.400
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.457.557.718.910	4.181.096.400.432
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	(7.803.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		944.901.563.190	503.123.165.295
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	389.240.671.943
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		45.087.385	150.897.998
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.358.982.265.136	3.383.094.699.298
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		238.747.005.321	243.755.553.910
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		49.808.827.426	49.195.998.524
II- Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		88.475.285.099	77.517.384.757
1. Nguồn kinh phí	432	25.	8.492.651.859	3.704.263.464
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		79.982.633.240	73.813.121.293
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	26.	244.272.599.931	250.525.632.701
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		13.044.568.757.932	10.611.671.262.189

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		1.104.301.696	1.104.301.696
4. Nợ khó đòi đã xử lý		6.233.942.551	6.451.050.035
5. Ngoại tệ các loại			
USD		382.228,75	596.488,40
EUR		250,00	252,51
GBP		32.153	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		21.040.000	-

Người lập biểu

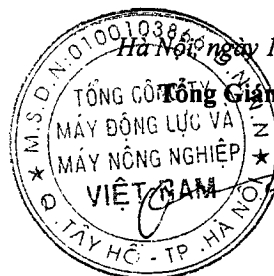


Vũ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Vũ Từ Công



Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2014

Tổng Giám đốc

Lâm Chí Quang

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27.	5.844.559.313.102	6.289.107.669.940
2. Các khoản giảm trừ	02	27.	16.808.349.989	10.113.779.782
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27.	5.827.750.963.113	6.278.993.890.158
4. Giá vốn hàng bán	11	28.	5.512.568.627.709	5.834.333.352.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		315.182.335.404	444.660.537.811
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29.	86.295.705.805	91.414.960.367
7. Chi phí tài chính	22	30.	50.722.461.360	113.273.618.809
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.143.936.866	95.214.227.635
8. Chi phí bán hàng	24		151.482.421.709	172.147.648.031
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		420.245.641.924	321.553.256.572
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(220.972.483.784)	(70.899.025.234)
11. Thu nhập khác	31	31.	55.108.267.730	64.664.321.399
12. Chi phí khác	32	31.	14.712.675.236	16.763.926.613
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	31.	40.395.592.494	47.900.394.786
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		2.554.725.645.447	1.164.002.554.563
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		2.374.148.754.157	1.141.003.924.115
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		19.553.195.705	22.980.302.598
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(98.610.908)	(609.157)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.354.694.169.360	1.118.024.230.674
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		21.516.541.298	26.454.623.633
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		2.333.177.628.062	1.091.569.607.041

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2014

Người lập biểu

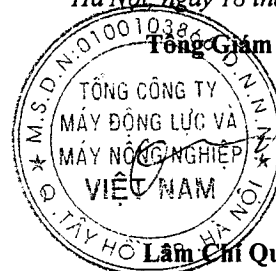


Vũ Thị Hồng Hạnh

Kê toán trưởng



Vũ Từ Công



Tổng Giám đốc

Lâm Chí Quang

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2013

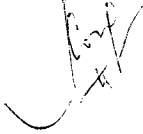
Đơn vị tính: VND

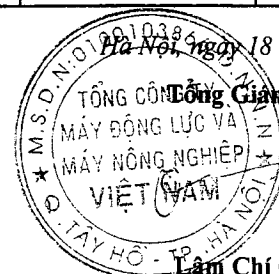
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.374.148.754.157	1.141.003.924.115
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		240.414.152.676	225.633.523.482
- Các khoản dự phòng	03		224.447.222.352	(5.061.906.874)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		25.535.463	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.629.796.866.911)	(1.252.901.806.931)
- Chi phí lãi vay	06		45.143.936.866	95.214.227.635
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		254.382.734.603	203.887.961.427
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(416.504.479.042)	412.596.463.314
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		131.952.268.836	323.104.175.362
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.904.956.220	(176.729.448.324)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(26.414.237.445)	(13.403.456.058)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(43.097.647.235)	(79.889.146.843)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(51.623.657.317)	(44.505.210.237)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		60.314.493.781	1.572.724.088.887
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(37.789.059.013)	(795.059.946.169)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(121.874.626.612)	1.402.725.481.359
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn	21		(255.189.442.305)	(299.739.447.209)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		5.491.575.186	3.550.446.376
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(182.494.572.191)	(169.876.080.390)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		170.497.715.541	74.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.300.000.000)	(42.212.492.805)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		352.394.941.476	35.992.209.357
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		60.522.006.266	86.447.351.474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		148.922.223.973	(311.738.013.197)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu cấp vốn đầu tư	31		-	22.645.819.752
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.351.480.520.520	1.669.149.204.206
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.192.249.995.687)	(2.174.989.173.562)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34.836.970.311)	(33.930.353.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		124.393.554.522	(517.124.502.804)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		151.441.151.883	573.862.965.358
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		968.033.823.636	394.170.858.278
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.275.396	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.	1.119.503.250.915	968.033.823.636

Người lập biểu

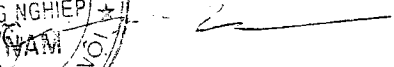

 Vũ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng


 Vũ Từ Công



Tổng Giám đốc


 Lâm Chí Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp, là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 1119 QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3367/QĐ - BCT ngày 25/06/2010 của Bộ Công thương và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên ngày 06/10/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 05/05/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.372.348.812.298 VND.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Đúc kim loại màu; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại; Luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất động cơ, tua bin ô tô, mô tô và xe máy (trừ động cơ máy bay); Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác; Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động; Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén; Sản xuất máy thông dụng khác; Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại; Sản xuất máy luyện kim; Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá; Sản xuất xe có động cơ, ô tô, máy kéo; Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe; Sản xuất mô tô, xe máy;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn mô tô, xe máy; Bán lẻ mô tô, xe máy; Đại lý mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản; Tư vấn bất động sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn hóa chất công nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt, bột, bột nhão; Bán buôn tổng hợp: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng đã được đăng ký trong nội dung đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

Tại ngày 31/12/2013, Công ty mẹ có các đơn vị, chi nhánh trực thuộc, hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Văn phòng Tổng Công ty	Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 90-92 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Tổng Công ty tại Nghệ An	Xã Công Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Tổng Công ty tại Bắc Kạn	Xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn
Nhà máy Ô tô VEAM	Phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn, Thanh Hóa
Nhà máy Đúc	Lô B15, khu B, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

Các đơn vị này thực hiện hạch toán kinh tế phụ thuộc, được quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp quản lý của Tổng Công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Tổng Công ty. Tổng Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo sự cam kết của các đơn vị này. Các đơn vị chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại nơi phát sinh. Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh chính được kê khai tập trung tại Tổng Công ty sau khi hợp cộng kết quả kinh doanh của các đơn vị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

14 công ty con của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	Lô CN-B7, khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	51,14%	51,14%
Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	Thị trấn Bãi Bông, Phở Yên, Thái Nguyên	51%	51%
Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	Tổ 34, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	53,66%	53,66%
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Veam	Số 2, đường Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	51%	51%
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Km số 3, đường Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội	51%	51%
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Phường Mỏ Chè, thị xã Sông Công, Thái Nguyên	55%	55%
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Số 4 phố Chu Văn An, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Số 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Phường Lương Châu, thị xã Sông Công, Thái Nguyên	100%	100%
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	Khu phố 1, phường Bình Đa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%	100%
Viện Công nghệ	25 phố Vũ Ngọc Phan, Đống Đa, Hà Nội	100%	100%
Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo máy nông nghiệp	Km 9,5 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (b)	Số 7 đường Mai Hắc Đế, TP. Vinh, Nghệ An	55,01%	55,01%
Công ty Veam Korea Corporation (a)	KEB Bd 4th, 1220-10, Igok-Dong, Dalseo-Gu, Daegu, Korea	89%	89%

(a) Ngoại trừ báo cáo tài chính của Công ty Veam Korea Corporation chưa được kiểm toán, các báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác.

b) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49% và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là công ty con của Tổng Công ty nắm giữ 55% quyền biểu quyết) là 6,01%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Honda Việt Nam	Phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	30%	30%
Công ty Liên doanh Toyota Việt Nam	Thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc	20%	20%
Công ty TNHH Mê Kông AUTO - Chi nhánh Hà Nội	Quốc lộ 3, Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	49%	49%
Công ty TNHH Ford Việt Nam	Phường Tứ Minh, TP. Hải Dương, Hải Dương	25%	25%
Công ty Cổ phần Nakyko	Số 19/9 Tân Kỳ - Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	49%	49%
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	Số 165 Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, An Giang	47,41%	47,41%
Công ty Cổ phần Veam Tây Hồ	Lô D, Khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	29,01%	29,01%
Công ty Cổ phần Kum Ba	Số 231 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	25%	25%
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (c)	Số 1 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng	20,36%	20,36%

(c) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ (công ty con của Tổng Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết) là 0,9%.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ báo cáo tài chính của công ty mẹ Tổng Công ty và các công ty do công ty mẹ Tổng Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Ngoại trừ lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ, các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và công ty mẹ Tổng Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty và tất cả các số dư nội bộ giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Trong năm 2011, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam hạch toán giảm nguồn vốn chủ sở hữu vì chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Visuco số tiền 33.030.056.456 VND trong khi Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam không hạch toán giảm khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam do chưa được Bộ tài chính hướng dẫn giảm vốn nên chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty con” chưa được bù trừ hết trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 và 2013 của Tổng Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ (tiếp theo)

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Ngoại trừ hàng hóa mua, bán giao tay ba và nguyên vật liệu mua trực tiếp cho các dự án được xác định theo phương pháp giá đích danh, hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Nhà máy Ô tô Veam được đánh giá theo sản lượng hoàn thành tương đương.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Nhà máy Đức được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính của sản phẩm trên các công đoạn sản xuất.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung được xác định theo định mức.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém, mất phẩm chất là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 12
Tài sản cố định khác	03 - 10

4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, bản quyền sản phẩm, phần mềm thiết kế động cơ, phần mềm bản quyền, phần mềm quản lý và tài sản cố định khác.

Quyền sử dụng đất tại là toàn bộ chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã chi ra để có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Bản quyền sản phẩm và phần mềm thiết kế động cơ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 5 đến 10 năm.

Phần mềm bản quyền và phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 3 đến 5 năm.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Cơ sở hạ tầng	03 - 25

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi tương ứng với phần vốn góp của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó sẽ không được ghi nhận trừ khi Tổng Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết.

Kỳ kế toán của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam và Công ty Honda Việt Nam bắt đầu từ ngày 01/4 và kết thúc vào ngày 31/3 hàng năm. Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng Công ty đã bao gồm lợi nhuận của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam và Công ty Honda Việt Nam với kỳ kế toán năm 2013 kết thúc vào ngày 31/3/2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng Công ty đã được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (là công ty liên kết của Tổng Công ty). Báo cáo tài chính của công ty này chưa được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.10 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Tổng Công ty chưa được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của các công ty liên kết, liên doanh mà các công ty con sau của Tổng Công ty đầu tư vào:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
1. Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ		
<u>Đầu tư vào công ty liên doanh</u>		
Công ty VJE	15.235.696.080	15.235.696.080
Công ty Bắc Hà	720.000.000	720.000.000
<u>Đầu tư vào công ty liên kết</u>		
Công ty Cổ phần Matexim Thăng Long	2.718.392.056	2.718.392.056
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu luyện kim Lào Cai	3.000.000.000	3.000.000.000
2. Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp		
<u>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</u>		
Công ty Cổ phần Quan hệ quốc tế Đầu tư Sản xuất	13.090.909.091	13.090.909.091
3. Công ty TNHH MTV cơ khí Trần Hưng Đạo		
<u>Đầu tư vào công ty liên doanh</u>		
Công ty TNHH Thương mại quốc tế Thùy Linh	720.000.000	720.000.000
Cộng	35.484.997.227	35.484.997.227

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn dài hạn khác:

Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

4.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng Tổng Công ty và tiền thuê đất của Nhà máy Đức; chi phí hỗ trợ phòng trưng bày, phí chuyển giao công nghệ, chi phí thi công sửa chữa văn phòng, chi phí đào tạo công nhân tại Nhà máy Ô tô VEAM, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác đã phát sinh, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên 12 tháng.

Tiền thuê văn phòng và tiền thuê đất được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Các chi phí trả trước dài hạn còn lại được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 05 năm.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Chi phí phải trả bao gồm:

- Khoản trích trước chi phí nhân công bảo hành của Nhà máy Ô tô VEAM được ước tính dựa trên định mức chi phí trên số lượng xe xuất bán trong năm;
- Chi phí khuyến khích vượt doanh thu tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ căn cứ vào các hợp đồng đại lý và hóa đơn xuất bán hàng hóa;
- Khoản trích trước tiền ăn giữa ca và thưởng sáng kiến cho cán bộ công nhân viên tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên căn cứ bảng tính tổng hợp tiền ăn ca hàng tháng chưa thanh toán;
- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được bổ sung từ các quỹ theo nghị quyết của Hội đồng thành viên.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích lập phù hợp với hướng dẫn của của Nghị định 204/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 và Thông tư 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận khi ngân sách hoặc đơn vị cấp trên cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời, Tổng Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.15 Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay, chênh lệch tỷ giá và dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích theo quy định (xem thêm thuyết minh số 4.10).

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.17 Thuế (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Trong năm 2013, Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn (Tổng công ty) có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn (Tổng công ty) có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập cá nhân được hạch toán và kê khai theo số tạm tính. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.19. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Tổng Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.19 Bên liên quan (tiếp theo)

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Tổng Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các chủ sở hữu chính của Tổng Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Tổng Công ty.

Theo đó các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm các công ty con, công ty liên kết, các đơn vị, chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty các thành viên trong Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7.538.830.523	6.227.271.710
Tiền gửi ngân hàng	381.644.420.392	309.353.381.952
Tiền đang chuyển	2.300.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	728.020.000.000	652.453.169.974
Cộng	1.119.503.250.915	968.033.823.636

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	14.755.175.000	4.300.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.889.553.944	22.531.713.784
Cộng	16.644.728.944	26.831.713.784

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	102.360.235	167.001.600
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	9.730.336.000	-
Phải thu từ cơ quan bảo hiểm xã hội	30.507.935	354.034.539
Phải thu khác	102.655.959.378	178.354.771.335
Cộng	112.519.163.548	178.875.807.474

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	(50.970.565.919)	(53.613.794.318)
Trích lập dự phòng	(108.445.217.932)	-
Hoàn nhập dự phòng	59.479.413	2.643.228.399
Tại ngày 31 tháng 12	(159.356.304.438)	(50.970.565.919)

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.654.889.878	8.290.450
Thuế giá trị gia tăng	57.359.964	13.066.817
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	11.502.907	10.396.358
Thuế tài nguyên nộp thừa	2.309.612.820	33.782
Các khoản khác phải thu nhà nước	1.023.285.086	3.542.333.744
Cộng	31.056.650.655	3.574.121.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	118.000
Nguyên liệu, vật liệu	140.845.660.992	451.536.494.356
Công cụ, dụng cụ	2.183.489.907	36.057.084.834
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	136.087.313.242	323.088.672.281
Thành phẩm	324.408.483.258	528.256.251.321
Hàng hoá	762.539.620.552	168.163.769.445
Hàng gửi đi bán	302.456.885.323	293.371.331.873
Cộng	1.668.521.453.274	1.800.473.722.110
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(117.799.239.904)	(1.737.756.071)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.550.722.213.370	1.798.735.966.039

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	(1.737.756.071)	(4.156.434.546)
Trích lập dự phòng	(116.061.483.833)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	2.418.678.475
Tại ngày 31 tháng 12	(117.799.239.904)	(1.737.756.071)

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.171.174.429	15.394.540
Tạm ứng	9.913.464.517	11.030.076.592
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.102.174.112	10.032.793.543
Cộng	20.186.813.058	21.078.264.675

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác	97.319.354.375	39.360.000
Cộng	97.319.354.375	39.360.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/TH

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	822.043.070.773	1.613.710.972.447	138.689.612.488	22.917.297.952	3.874.759.916	2.601.235.713.576
Tăng trong năm	133.984.844.757	169.402.141.324	31.018.106.345	4.988.431.670	76.230.751	339.469.754.847
Mua trong năm	4.161.069.355	102.093.824.935	22.730.208.621	2.043.927.290	66.400.000	131.095.430.201
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	123.102.695.263	42.950.989.757	2.484.536.000	2.356.099.123	-	170.894.320.143
Tăng do phân loại lại	602.977.200	703.960.352	5.803.361.724	588.405.257	9.830.751	7.708.535.284
Tăng khác	6.118.102.939	23.653.366.280	-	-	-	29.771.469.219
Giảm trong năm	26.418.267.308	122.121.601.035	14.538.387.253	5.413.544.089	417.455.840	168.909.255.525
Giảm do chưa sẵn sàng sử dụng	2.428.681.452	2.709.876.000	-	-	-	5.138.557.452
Chuyển sang công cụ dụng cụ	348.539.057	4.441.284.693	181.745.791	1.186.185.480	132.914.807	6.290.669.828
Giảm do phân loại lại	919.748.769	14.400.621.109	1.115.505.352	842.144.681	-	17.278.019.911
Thanh lý, nhượng bán	69.702.500	19.448.521.150	12.242.131.718	1.590.223.715	-	33.350.579.083
Giảm khác	22.651.595.529	81.121.298.083	999.004.392	1.794.990.213	284.541.033	106.851.429.250
Tại ngày 31/12/2013	929.609.648.222	1.660.991.512.736	155.169.331.580	22.492.185.533	3.533.534.827	2.771.796.212.898
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	246.468.290.870	663.580.167.677	73.338.663.403	12.626.342.801	1.290.031.781	997.303.496.532
Tăng trong năm	45.753.549.967	174.468.223.246	23.177.390.449	2.830.259.203	605.520.939	246.834.943.804
Khấu hao trong năm	44.375.977.449	173.703.212.307	16.929.904.448	2.256.683.239	595.690.176	237.861.467.619
Tăng do phân loại lại	1.377.572.518	765.010.939	6.247.486.001	573.575.964	9.830.763	8.973.476.185
Giảm trong năm	2.828.045.845	42.709.914.769	9.285.396.125	3.758.682.549	177.424.421	58.759.463.709
Thanh lý, nhượng bán	61.343.673	14.637.144.465	7.377.423.882	564.609.536	-	22.640.521.556
Chuyển sang công cụ dụng cụ	191.891.505	3.142.669.029	170.576.059	354.380.897	60.290.994	3.919.808.484
Giảm do phân loại lại	606.144.003	16.053.175.309	826.670.692	789.809.965	-	18.275.799.969
Giảm khác	1.968.666.664	8.876.925.966	910.725.492	2.049.882.151	117.133.427	13.923.333.700
Tại ngày 31/12/2013	289.393.794.992	795.338.476.154	87.230.657.727	11.697.919.455	1.718.128.299	1.185.378.976.626
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2013	575.574.779.903	950.130.804.770	65.350.949.085	10.290.955.151	2.584.728.135	1.603.932.217.044
Tại ngày 31/12/2013	640.215.853.231	865.653.036.582	67.938.673.853	10.794.266.078	1.815.406.528	1.586.417.236.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 70.861.492.688 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 389.213.764.370 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 34.910.917.418 VND.
- Các cam kết về việc mua bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH đã ký hợp đồng số 0101/2014/HĐCNDA ngày 15/01/2014 về việc chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư, tài sản cố định và quyền thuê đất của chi nhánh Bắc Cạn cho công ty Cổ phần Tập đoàn Tây Giang với tổng giá trị hợp đồng là 18.240.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VNĐ Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	50.193.225.779	5.290.192.125	7.750.332.200	8.456.568.779	34.500.000	71.724.818.883
Mua trong năm	-	-	-	168.000.000	50.000.000	218.000.000
Tăng khác	9.288.600.390	-	-	-	-	9.288.600.390
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(12.193.213.131)	-	-	(30.268.000)	-	(12.223.481.131)
Tại ngày 31/12/2013	47.288.613.038	5.290.192.125	7.750.332.200	8.594.300.779	84.500.000	69.007.938.142
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	3.786.096.390	5.290.192.125	2.325.099.664	3.399.603.298	14.338.205	14.815.329.682
Khấu hao trong năm	731.295.384	-	775.033.220	370.056.151	6.591.102	1.882.975.857
Tháo dỡ xử lý	1.782.190.511	-	-	-	-	1.782.190.511
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(240.655.518)	-	-	(11.787.983)	-	(252.443.501)
Tại ngày 31/12/2013	6.058.926.767	5.290.192.125	3.100.132.884	3.757.871.466	20.929.307	18.228.052.549
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư ngày 01/01/2013	46.407.129.389	-	5.425.232.536	5.056.965.481	20.161.795	56.909.489.201
Số dư ngày 31/12/2013	41.229.686.271	-	4.650.199.316	4.836.429.313	63.570.693	50.779.885.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	645.413.735.297	579.131.553.411
Tăng trong năm	201.826.484.115	560.853.457.259
Kết chuyển sang tài sản cố định	(170.894.320.143)	(494.551.275.373)
Kết chuyển giảm khác	(8.957.407.237)	(20.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	667.388.492.032	645.413.735.297
(*) Bao gồm :	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	28.762.234.814	19.979.476.370
Dự án phòng thí nghiệm động lực	18.770.344.148	15.187.140.706
Dây chuyền thiết bị sản xuất phân vi sinh và sấy bã sắn	2.709.876.000	-
Nhà xưởng sản xuất vi sinh và sấy bã	2.428.681.452	-
Mua sắm tài sản cố định	158.257.750	-
Nhà tập thể	159.363.000	-
Dây chuyền MS	3.086.922.394	-
Nhà kho và nhà xe của Nhà máy đúc	-	1.018.819.752
Các công trình khác	1.448.790.070	3.773.515.912
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	372.065.719	128.714.058
Công trình khác	372.065.719	128.714.058
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	62.163.024.487	63.675.931.304
Dự án đầu tư và xây dựng mới	62.163.024.487	63.675.931.304
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	164.712.449	28.122.311.175
Dây truyền sản xuất động cơ lớn	-	28.122.311.175
Các công trình khác	164.712.449	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	531.222.542.090	513.502.692.436
Chi phí xây dựng sắt xốp	456.453.569.319	412.425.851.956
Chi phí xây dựng biệt thự	66.844.928.101	66.510.591.352
Các công trình khác	7.924.044.670	34.566.249.128
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	9.238.304.367	9.353.178.198
Dự án di chuyển, cải tạo, nâng cao năng lực sản xuất	8.885.032.113	8.999.905.944
Các công trình khác	353.272.254	353.272.254
Viện công nghệ	35.132.326.288	8.653.879.292
Dự án di dời và đầu tư mới cơ sở 2 Viện Công nghệ	35.132.326.288	8.653.879.292
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	318.181.818	1.378.270.795
Sửa chữa nhà xưởng	-	1.060.088.977
Nhà xưởng	318.181.818	318.181.818
Các công ty khác	15.100.000	619.281.669
Cộng	667.388.492.032	645.413.735.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	32.719.978.499	11.806.562.841	44.526.541.340
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	32.719.978.499	11.806.562.841	44.526.541.340
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	-	6.542.810.286	6.542.810.286
Khấu hao trong năm	-	669.709.200	669.709.200
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	-	7.212.519.486	7.212.519.486
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	32.719.978.499	5.263.752.555	37.983.731.054
Tại ngày 31/12/2013	32.719.978.499	4.594.043.355	37.314.021.854

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Liên doanh Mê Kông	-	39.600.000.000
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	-	29.191.500.000
Xí nghiệp Liên doanh Kum Ba	-	15.639.216.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	-	22.315.040.810
Đầu tư dài hạn khác	30.241.694.976	11.005.174.166
Cộng	30.241.694.976	117.750.930.976

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	4.156.045.435	2.780.000.008
Chi phí thuê văn phòng	21.290.862.181	22.674.353.090
Chi phí bảo trì nhà	1.345.894.977	1.395.547.709
Phí hỗ trợ biên quảng cáo, hỗ trợ kỹ thuật	3.527.072.356	4.821.119.339
Phí bản quyền chuyển giao công nghệ	2.555.635.274	967.200.000
Cơ sở hạ tầng (bãi đỗ xe)	5.070.994.545	5.191.738.545
Chi phí chuyển nhượng Cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa	40.012.306.052	40.932.129.180
Chi phí bản quyền dây chuyền sản xuất trục khuỷu xe máy	3.093.285.138	3.568.080.774
Phí thi công sửa chữa	1.745.701.370	-
Chi phí phân bổ dự án	2.168.141.244	-
Chi phí đào tạo nhân công	5.910.684.072	-
Tiền thuê đất	11.631.683.588	-
Chi phí đền bù, san lấp mặt	2.579.338.675	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	25.315.857.011	16.585.010.633
Chi phí khác	11.075.552.813	14.630.432.349
Cộng	141.479.054.731	113.545.611.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay và nợ ngắn hạn	690.230.327.482	529.936.673.199
Vay Ngân hàng	616.298.619.989	457.879.099.446
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác Số 1</i>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	4.814.897.526	3.990.006.019
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên</i>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	39.454.488.332	49.348.903.448
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	58.940.319.215	39.891.399.014
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	17.960.771.584	5.973.997.534
<i>Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM</i>		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	42.517.737.660	48.464.375.600
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	15.954.000.000	26.473.647.115
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	18.711.700.000	39.984.600.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	-	3.959.211.962
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	42.352.811.080	11.404.000.000
<i>Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ</i>		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	40.941.469.316	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	20.874.179.921	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (USD)	12.509.205.483	7.832.011.200
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (USD)	48.458.740.750	17.645.721.213
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (USD)	5.248.270.879	14.097.103.118
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	17.981.391.605
<i>Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1</i>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	5.850.950.586	31.096.902.229
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ	15.243.848.244	-
<i>Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo</i>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	4.769.263.589	-
<i>Công ty TNHH Nhà nước MTV Diesel Sông Công</i>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	39.619.454.663	40.521.325.393
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	13.950.000.000	7.899.690.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	-	4.518.268.150
<i>Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam</i>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	59.173.986.750	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	19.069.933.920	-
- Ngân hàng Shinhan	8.311.095.512	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	21.991.654.779	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	59.579.840.200	86.796.545.536
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh</i>		
- Vay ngân hàng	-	1.800.000.000
Vay các đối tượng khác	73.931.707.493	72.057.573.753
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.530.986.667	6.103.637.188
Cộng	693.761.314.149	536.040.310.387

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	14.022.640.781	4.387.644.224
Thuế xuất, nhập khẩu	12.944.772	1.363.394.954
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.285.395.393	15.457.612.173
Thuế thu nhập cá nhân	1.667.914.548	3.360.373.211
Thuế tài nguyên	827.550.712	99.675.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.098.042.490	1.171.363.000
Các loại thuế khác	66.054.070	943.394.973
Các khoản phí, lệ phí	694.973.577	180.263.047
Cộng	30.675.516.343	26.963.720.582

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	675.543.000	4.253.311.529
Chi phí khuyến khích vượt doanh thu	669.854.759	-
Chi phí khuyến mãi đại lý	1.216.581.823	-
Tiền ăn ca, tiền thưởng	971.056.100	-
Chi phí trích trước nhân công bảo dưỡng xe	5.573.166.000	-
Chi phí xuất nhập hàng	500.724.012	-
Chi phí vận chuyển	10.279.403.475	-
Tiền thuê đất	874.601.394	-
Lãi vay	3.417.905.798	-
Chi phí phải trả khác	938.724.651	58.996.359.832
Cộng	25.117.561.012	63.249.671.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	958.394.602	360.000
Kinh phí công đoàn	4.850.017.359	8.807.327.232
Bảo hiểm xã hội	394.701.756	4.605.213.763
Bảo hiểm y tế	10.417.329	68.247.405
Phải trả về cổ phần hóa	64.825.502	64.825.502
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	86.841.297.461	73.777.129.764
o hi m th t nghi p	215.630	23.024.945
Cộng	93.219.869.639	87.346.128.611

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	290.555.229.427	306.347.564.319
Vay ngân hàng	285.003.149.427	298.097.804.319
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên</i>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	570.000.000	3.190.691.997
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	-	950.986.667
<i>Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ</i>		
-Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	930.760.100	-
-Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (VND)	800.000.000	1.196.000.000
-Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (USD)	13.945.845.375	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Cạn	233.188.261.617	229.963.332.661
<i>Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1</i>		
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	1.457.645.455
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công	-	23.558.681.785
<i>Công ty TNHH Nhà nước MTV Diesel Sông Công</i>		
- Ngân hàng Phát triển Thái Nguyên	-	2.212.183.419
-Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	35.568.282.335	35.568.282.335
Vay đối tượng khác	5.552.080.000	8.249.760.000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	290.555.229.427	306.347.564.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Cộng
Tại ngày 01/01/2012	4.136.010.055.120	-	-	7.012.250.544	408.792.980.240	293.830.031.187	286.866.449.513	91.365	2.375.662.259.574	49.195.998.524	7.557.370.116.067
Tăng vốn trong năm	3.144.208.129	-	-	-	-	-	10.816.278.000	-	-	-	13.960.486.129
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	1.091.569.607.041	-	1.091.569.607.041
Tăng khác	106.332.793.103	-	-	5.535.704.915	89.008.987.857	95.183.027.417	52.488.619.500	206.906.633	-	-	348.756.039.425
Chuyển lợi nhuận về Tổng công ty	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	52.127.585.456	1.152.517.749	-	-	(61.612.945.158)	-	(8.332.841.953)
Giảm khác	(64.390.655.920)	-	(7.803.000)	(12.547.955.459)	(46.806.388.258)	(924.904.410)	(106.415.793.103)	(56.100.000)	(22.524.222.159)	-	(253.673.822.309)
Tại ngày 31/12/2012	4.181.096.400.432	-	(7.803.000)	-	503.123.165.295	389.240.671.943	243.755.553.910	150.897.998	3.383.094.699.298	49.195.998.524	8.749.649.584.400
Tại ngày 01/01/2013	4.181.096.400.432	-	(7.803.000)	-	503.123.165.295	389.240.671.943	243.755.553.910	150.897.998	3.383.094.699.298	49.195.998.524	8.749.649.584.400
Tăng vốn trong năm	120.299.747.149	-	2.500.000.000	-	270.955.059	1.937.465.090	-	45.159.176	-	-	125.053.326.474
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.333.177.628.062	-	2.333.177.628.062
Tăng do hợp nhất	-	-	7.803.000	-	16.273.849.558	-	36.791.370.727	12.086.465	115.034.264.069	-	168.119.373.819
Tăng khác	6.912.814.930	55.032.876	-	-	278.399.568.567	1.082.807.996	-	-	262.740.750	612.828.902	287.325.794.021
Điều chuyển theo TT 220/2013/TT-BTC	-	-	-	-	101.212.267.055	(101.212.267.055)	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	270.104.403.548	-	-	-	45.625.336.656	664.670.176	-	241.698.246	(326.036.893.113)	-	(9.400.784.487)
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(51.460.180.427)	-	(51.460.180.427)
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	(33.747.226)	-	(266.364.500)	(3.813.400.790)	-	(4.113.512.516)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.563.305.302)	-	(6.563.305.302)
Giảm do hợp nhất	(120.855.647.149)	(55.032.876)	(2.500.000.000)	-	-	(13.259.656.330)	-	-	-	-	(136.670.336.355)
Giảm khác	-	-	-	-	(3.579.000)	(278.419.944.594)	(41.799.919.316)	(138.390.000)	(84.713.287.411)	-	(405.075.120.321)
Tại ngày 31/12/2013	4.457.557.718.910	-	-	-	944.901.563.190	-	238.747.005.321	45.087.385	5.358.982.265.136	49.808.827.426	11.050.042.467.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY ME

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Vốn đầu tư của Nhà nước	4.457.557.718.910	4.181.096.400.432
Cộng	4.457.557.718.910	4.181.096.400.432

25. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Dư đầu năm	3.704.263.464	5.600.861.186
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	7.736.843.684	1.892.000.000
Chi sự nghiệp	(2.948.455.289)	(3.788.597.722)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	8.492.651.859	3.704.263.464

26. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Vốn chủ sở hữu của công ty con tại 31/12/2013	Lợi ích cổ đông thiểu số tại 31/12/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.141.690.849.144	168.618.715.500
Thặng dư vốn cổ phần	2.953.780.848	535.813.955
Vốn khác của chủ sở hữu	3.023.326.378	-
Cổ phiếu quỹ	(15.300.000)	(15.300.000)
Quỹ đầu tư phát triển	98.336.206.000	45.806.785.395
Quỹ dự phòng tài chính	15.663.539.310	7.314.926.194
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	88.369.176	43.300.896
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(111.086.950.292)	21.968.357.991
Cộng	1.150.653.820.564	244.272.599.931

27. DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.844.559.313.102	6.289.107.669.940
Doanh thu bán hàng hóa	5.079.336.175.794	5.532.916.627.419
Doanh thu bán thành phẩm	762.564.069.401	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.659.067.907	753.036.700.018
Doanh thu khác	-	3.154.342.503
Các khoản giảm trừ	16.808.349.989	10.113.779.782
Chiết khấu thương mại	58.836.000	56.583.000
Giảm giá hàng bán	2.152.083.981	3.500.200.000
Hàng bán bị trả lại	14.597.430.008	6.556.996.782
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.827.750.963.113	6.278.993.890.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.669.526.786.690	5.146.612.275.999
Giá vốn của thành phẩm đã bán	841.136.686.367	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.905.154.652	687.721.076.348
Cộng	5.512.568.627.709	5.834.333.352.347

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.135.703.805	85.125.351.474
Cổ tức, lợi nhuận được chia	154.000.000	1.322.000.000
Lãi bán ngoại tệ	213.683.364	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.751.466.492	4.464.561.936
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	499.655.097
Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.852.144	3.391.860
Cộng	86.295.705.805	91.414.960.367

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	45.143.936.866	95.214.227.635
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	11.742.610.023
Lỗ bán ngoại tệ	-	79.070.270
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.073.548.896	4.087.822.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.535.463	154.847.643
Chi phí tài chính khác	479.440.135	1.995.041.028
Cộng	50.722.461.360	113.273.618.809

31. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	6.523.528.386	2.108.400.185
Bán phôi phế liệu	2.607.961.891	2.423.220.908
Phế liệu thu hồi	17.321.600.474	16.377.273.700
Khoản thu nhập từ hỗ trợ đầu tư	1.758.037.981	-
Xử lý hàng tồn kho	27.254.918	428.687.126
Thu tiền hoàn thuế	2.676.798.745	219.925.829
Thu tiền từ bồi thường thiệt hại	894.128.140	884.708.855
Nhận tài trợ dự án sạch hơn trong công nghiệp	-	2.579.000.000
Thu tiền di dời địa điểm	-	8.046.912.486
Thu nhập khác	23.298.957.195	31.596.192.310
Thu nhập khác	55.108.267.730	64.664.321.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

31. LỢI NHUẬN KHÁC (TIẾP THEO)

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	779.552.551	430.567.874
Chi phí di dời trụ sở làm việc	-	1.304.437.500
Khấu hao tài sản cố định chờ thanh lý	7.393.492.309	4.595.976.608
Thanh lý tài sản cố định	1.673.803.007	13.622.321
Các khoản phạt	618.009.947	428.978.553
Chi phí vận hành, chạy thử tài sản	-	1.730.556.779
Chi phí khác	4.247.817.422	8.259.786.978
Chi phí khác	14.712.675.236	16.763.926.613
Lợi nhuận khác	40.395.592.494	47.900.394.786

32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH đã ký hợp đồng số 0101/2014/HĐCNDA ngày 15/01/2014 về việc chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư, tài sản cố định và quyền thuê đất của Chi nhánh Bắc Kạn cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tây Giang với tổng giá trị hợp đồng là 18.240.000.000 VND, toàn bộ tài sản sẽ được bàn giao trước ngày 31/3/2014. Sau khi bàn giao toàn bộ tài sản của Chi nhánh Bắc Kạn cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tây Giang, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH sẽ tiến hành các thủ tục tiếp theo để chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Bắc Kạn.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.119.503.250.915	968.033.823.636
Phải thu khách hàng	1.227.190.203.322	965.652.476.584
Các khoản phải thu khác	112.519.163.548	178.875.807.474
Cộng	2.459.212.617.785	2.112.562.107.694
Nợ tài chính		
Vay và nợ	984.316.543.576	842.387.874.706
Phải trả người bán	331.879.758.518	306.104.476.519
Các khoản phải trả khác	94.562.869.639	87.916.488.611
Cộng	1.410.759.171.733	1.236.408.839.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Tại 31/12/2013		
Vay và nợ	314.149	290.555.229.427
Phải trả người bán	331.879.758.518	-
Các khoản phải trả khác	93.219.869.639	1.343.000.000
Cộng	1.118.860.942.306	291.898.229.427
Tại 01/01/2013		
Vay và nợ	536.040.310.387	306.347.564.319
Phải trả người bán	306.104.476.519	-
Các khoản phải trả khác	87.346.128.611	570.360.000
Cộng	929.490.915.517	306.917.924.319

CHỨNG THỰC BAN SAO ĐUNG VỚI BAN CHÍNH
Ngày: 26-07-2016
Số chứng thực: 2653 - Quyền số: 02-SC/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APEC. Một số chỉ tiêu được phân loại lại để phù hợp với báo cáo kiểm toán kỳ này.

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Hạnh
Vũ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Vũ Từ Công
Vũ Từ Công

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lâm Chí Quang
Lâm Chí Quang